

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 651/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 30 – 11 – 2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trinh Minh Đức.

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thu Phương;

Bà Ngô Thị Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2021/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 410/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4055/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông N B M D, sinh năm 1983;

Địa chỉ thường trú: Số 44 đường Lê Bình, Phường N, quận T, Thành phố H.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 22/3 đường Thủy Lợi, phường P, thành phố TĐ, Thành phố H.

- Bị đơn: Bà N T T T, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: Số 44 đường Lê Bình, Phường H, quận T, Thành phố H.

- Do có kháng cáo của: Ông N B M D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn ông N B M D trình bày:

Ông N B M Đ và bà N T T T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2014 ngày 12/3/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh H cấp.

Cuộc sống vợ chồng bình thường được một thời gian thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề của cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù đã nhiều lần hòa giải nhưng không thu được kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn để cả hai sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên N M N, sinh ngày 26/9/2015 và N M M, sinh ngày 14/12/2016. Ly hôn, ông Đ yêu cầu nuôi con chung tên N M N, yêu cầu bà T nuôi con chung tên N M P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà N T T T trình bày:

Bà T xác nhận giữa bà T và ông Đ có quá trình đăng ký kết hôn và chung sống như ông Đ trình bày. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên bà T đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Đ.

Về con chung: Do cả hai con chung N M P và N M N hiện đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và cuộc sống của các con đang ổn định, nên để tránh xáo trộn cuộc sống của các con, bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng cho cả hai con chung.

Về mức cấp dưỡng 7.000.000 đồng/tháng cho cả hai con, theo bà T hàng tháng bà T nuôi hai con tốn hết khoảng 30.000.000 đồng, tuy nhiên bà T chỉ yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng/tháng để ông Đ phụ giúp bà T phân nào tiền học cho các con, vì từ bé đến nay cũng chỉ một mình bà T chăm sóc, nuôi dưỡng các con, ông Đ không hề phụ giúp, từ trước đến nay ông Đ cũng chỉ qua đón con đi chơi, không chăm lo được gì cho các con.

Về việc ông Đ yêu cầu nuôi một con tên N M P, nếu ông Đ chứng minh được kế hoạch, khả năng nuôi con của mình mà tốt thì bà T sẵn sàng để ông Đ nuôi con, còn nếu không chứng minh được thì do cả hai con đang sống với bà T ổn định nên bà T đề nghị trực tiếp nuôi hai con để tránh làm xáo trộn ảnh hưởng đến cuộc sống của các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 410/2021/HNGĐ-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N B M Đ:

- *Về hôn nhân:* Ông Đ và bà T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Ông Đ và bà T có hai con chung là N M P, sinh ngày 26/9/2015 và N M G, sinh ngày 14/12/2016. Giao bà T trực tiếp nuôi hai con chung. Ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi con 3.500.000 đồng một tháng, tổng cộng cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2021 cho đến khi các con chung lần lượt thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Thi hành tại cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/6/2021, ông N B M Đ kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 410/2021/HNGĐ-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N M Đ, giao trẻ N M P cho ông Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao trẻ N M P cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông N B M Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà T yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Ông N B M Đ kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N M P nhưng ông D chỉ trình bày, không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó qua khai nhận của các bên tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ thể hiện bà T đã chứng minh việc nuôi dạy các con tốt, chưa có biểu hiện gây tổn hại đến các con nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông D. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông N M Đ, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 410/2021/HNGĐ-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông N B M Đ làm trong hạn luật định và đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2014 ngày 12/3/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh D cấp cho ông N B M Đ và bà N T T T, có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông N B M Đ và bà N T T T là hôn nhân hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận ông Đ và bà T thuận tình ly hôn, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm phát sinh hiệu lực pháp luật.

3. Xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ P và hai bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con:

Về con chung: Ông Đ và bà T xác nhận có hai con chung là trẻ P, sinh ngày 26/9/2015 và O, sinh ngày 14/12/2016, hiện hai trẻ đang sống cùng với bà T. Ông Đ yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N M P, giao trẻ N M P cho bà T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Nhận thấy:

Đối với con chung trẻ N M P: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của ông Đ và bà T giao trẻ N M P cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm phát sinh hiệu lực pháp luật.

Đối với con chung trẻ N M P, sinh ngày 26/9/2015, hiện nay trẻ P đang được bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Đ và bà T đều có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ P. Xét về điều kiện nuôi con của mỗi bên:

Ông Đ và bà T đều có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Ông, bà đều yêu thương, quan tâm và có điều kiện nuôi dưỡng con tốt.

Theo lời khai nhận của hai bên, từ khi ông Đ, bà T không còn chung sống với nhau, các con chung ở cùng với bà T cho đến nay, bà T đã tạo điều kiện không gây cản trở khi ông Đ đến thăm nom các con chung.

Đối với bà T: Bà T đã chứng minh từ khi trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P đã cho trẻ P đi học tại Trường Mầm non TTC cao cấp SG và hiện nay đang học Lớp 01 Trường gần nơi bà T cư trú, học ngoại ngữ tại Công ty cổ phần quốc tế Anh văn Hội Việt Mỹ, tình cảm anh em giữa trẻ P và trẻ P đang được gắn kết rất tốt và hiện tại trẻ P tuổi còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ.

Đối với ông Đ: Ông Đ cho rằng một mình bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con sẽ vượt quá khả năng, không thể đảm đương tốt vai trò nuôi dạy con. Ông Đ chỉ trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó qua khai nhận của các bên và các tài liệu chứng cứ thể hiện như đã nêu trên, bà T đã chứng minh việc nuôi dạy các con tốt, chưa có biểu hiện gây tổn hại đến các con nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của ông Đ.

Như vậy, việc ông Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ P là không cần thiết, bởi nếu thay đổi hoàn cảnh, môi trường, thay đổi trường học và điều kiện sống quen thuộc của hai con sẽ ảnh hưởng đến việc học tập, tình cảm, tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của các con. Do đó cần tiếp tục giao hai con chung là trẻ P và U cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để các con được tiếp tục sống gần gũi bên nhau và có cuộc sống ổn định như từ trước đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con hai con chung tên Nguyễn P và U cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ về việc yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ P.

Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy hiện tại tổng chi phí chăm sóc nuôi dưỡng mỗi trẻ một tháng khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Nhằm đảm bảo việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung và trách nhiệm của ông Đ đối với các con, bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung với mức mỗi trẻ 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng)/một tháng là có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc ông Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi con 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng)/một tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2021 cho đến khi các con chung lần lượt thành niên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm (về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con): Ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

6. Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N B M Đ về yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ N M P và hai bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con.

II. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 410/2021/HNGĐ-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H, cụ thể như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N B M Đ:

II.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông N B M Đ và bà N T T T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36 quyển số 01/2014 ngày 12/3/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh D cấp cho ông N B M Đ và bà N T T T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

II.2. Về con chung: Có hai con chung chưa thành niên tên N M P, sinh ngày 26/9/2015 và N M U, sinh ngày 14/12/2016.

Giao hai con chung chưa thành niên tên N M P và N M U cho bà N T T T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông N B M Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung chưa thành niên tên N M P và N M U, mỗi con chung chưa thành niên là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) mỗi tháng cho đến khi hai con chung chưa thành niên lần lượt đủ 18 tuổi. Thi hành từ tháng 6/2021.

Việc giao nhận con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con do hai bên đương sự tự thi hành hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Kể từ ngày bà N T T T có đơn yêu cầu thi hành án tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông N B M Đ chưa hoặc không thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

II.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

III. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông N B M Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền

tạm ứng án phí do ông D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0068967 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

IV. Án phí dân sự sơ thẩm (về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con): Ông Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

V. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0069566 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND QTB, TP.H;
- Chi cục THADS QTB, TP.H ;
- UBND PTA, TPBMT, ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức